TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST Ngày 20-01-2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cao Đặng Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lẫy

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1218/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Như Q; nơi cư trú: Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Đức L; nơi cư trú: Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Như Q và anh Phạm Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 20/02/2002. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống vợ chồng, căng thẳng, không hạnh phúc.

Nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống tình cảm và kinh tế gia đình. Vợ chồng đã được gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Năm 2014, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị Trần Thị Như Q đã cùng con lớn chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá nghiêm trọng, không thể đoàn tụ được nên chị Trần Thị Như Q đề nghị Toà án giải quyết cho chị Trần Thị Như Q được ly hôn với anh Phạm Đức L.

Về nuôi con: Chị Trần Thị Như Q và anh Phạm Đức L có 02 con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 15/12/2002 và Phạm Đức D, sinh ngày 01/7/2011; khi ly hôn, chị Trần Thị Như Q nhận nuôi con chung Phạm Đức D vì từ trước đến nay cháu vẫn ở với chị Trần Thị Như Q được chăm sóc phát triển bình thường; giao con chung là Phạm Tuấn A cho anh Phạm Đức L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Như Q đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Như Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Phạm Đức L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho chị Trần Thị Như Q được ly hôn với anh Phạm Đức L.Về con chung: Giao con chung Phạm Đức D cho chị Trần Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc có quy định khác của pháp luật; giao con chung là Phạm Tuấn Anh cho anh Phạm Đức L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc có quy định khác của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung do chị Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Đức L; nơi cư trú: Tổ V 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Phạm

Đức L không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Phạm Đức L.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Như Q và anh Phạm Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/2002 ngày 20/02/2002. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Như Q và anh Phạm Đức L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào bản tự khai của chị Trần Thị Như Q và các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định chị Trần Thị Như Q và anh Phạm Đức L trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau, hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2014 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Như Q xin ly hôn anh Phạm Đức L là phù hợp pháp luật.

[5] Về nuôi con: Chị Trần Thị Như Q và anh Phạm Đức L có 02 con chung là Phạm Tuấn A, sinh ngày 15/12/2002 và Phạm Đức D, sinh ngày 01/7/2011; cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, cháu Tuấn Anh có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, từ trước đến nay cháu Phạm Đức D vẫn ở với mẹ, được chăm sóc phát triển bình thường; cháu Phạm Tuấn A vẫn ở cùng bố và được chăm sóc phát triển bình thường nên việc chị Trần Thị Như Q xin được trực tiếp nuôi con chung Phạm Đức D, giao con chung Phạm Tuấn A cho anh Phạm Đức L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, cần được chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Như Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; ý kiến này là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Như Q và anh Phạm Đức L không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Như Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Như Q:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Như Q và anh Phạm Đức L.

2. Về nuôi con: Giao con chung Phạm Đức D, sinh ngày 01/7/2011 cho chị Trần Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung Phạm Tuấn A, sinh ngày 15/12/2002 cho anh Phạm Đức L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Như Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Trần Thị Như Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Như Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007427 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng, chị Trần Thị Như Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trần Thị Như Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Đức L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường T, quận K, thành phố Hải Phòng (ĐKHK ngày 20-02-2002);
- Lưu: HS, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Đặng Trình